

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Phạm Tấn Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 3, Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh B; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; tạm trú: Tổ 3, Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh B; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị L tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Anh S và chị L có đăng ký kết hôn tại

UBND xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, Quyền số 01/2015 vào ngày 26-01-2015.

Từ khi kết hôn cho đến nay, anh S và chị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng không quan tâm đến nhau.

Về con chung: vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 26-01-2016. Khi ly hôn, anh S yêu cầu giao cháu K cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh S không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, tại bản tự khai ngày 08 tháng 3 năm 2022 bị đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị L thống nhất như lời trình bày của anh S về hôn nhân, thời điểm, nơi đăng ký kết hôn và về con chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Anh S yêu cầu ly hôn, chị L đồng ý.

Về con chung: vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Gia Khánh, sinh ngày 26-01-2016. Chị L đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khánh. Chị L đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi của anh S.

Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 17 tháng 12 năm 2021, Công chức Tư pháp xã Trừ Văn Thố cung cấp như sau: Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị L quá trình chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không có thông tin do anh chị không nhờ địa phương hoặc tổ chức đoàn thể can thiệp giải quyết theo quy định.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị L nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn. Bị đơn chị Trần Thị L có đăng ký tạm trú tại tổ 3, ấp 3, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S và bị đơn chị Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, Quyển số 01/2015 vào ngày 26-01-2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh S yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị L. Chị L đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh S. Xét thấy, anh S và chị L là vợ chồng nhưng đều không quan tâm đến gia đình, chăm sóc lẫn nhau, không quan tâm đến nhau và không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân, không sống chung với nhau là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nhận thấy, vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân và anh S, chị L thống nhất ly hôn nên yêu cầu khởi kiện của S xin ly hôn với chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh S và chị L có một con chung tên Nguyễn Gia Khánh, sinh ngày 26-01-2016. Anh S yêu cầu giao cháu Khanh cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Quá trình tham gia tố tụng, chị L đồng ý nuôi dưỡng cháu K và đồng ý mức cấp dưỡng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Xét thấy, anh S và chị L thống nhất việc giải quyết con chung và mức cấp dưỡng. Chị L có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nên giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S đối với bị đơn chị Trần Thị L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị L.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 26-01-2016 cho chị Trần Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng cho con thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008904 ngày 05 tháng 01 năm 2022 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn Văn S còn phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương ;
- VKSND huyện Bàu Bàng ;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- UBND xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận kết hôn số 05, Quyền số 01/2015, ngày 26-01-2015);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa